

Thực trạng quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam

Phạm Hồng Quang¹, Nguyễn Danh Nam²

¹ Đại học Thái Nguyên

Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên,

tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Email: phamhongquang@tnu.edu.vn

² Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Số 20, Đường Lương Ngọc Quyến,

thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Email: danhnam.nguyen@dhsptn.edu.vn

TÓM TẮT: Bài viết trình bày thực trạng vấn đề quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam hiện nay, trong đó phân tích những hạn chế, bất cập trong phân bố các cơ sở đào tạo giáo viên, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và công tác dự báo nhu cầu đào tạo. Bài viết cũng chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trong hệ thống sư phạm, từ cơ chế quản lý đến năng lực đào tạo, nghiên cứu của các cơ sở đào tạo giáo viên. Từ đó, bài viết cho thấy tính cấp thiết của vấn đề quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở nước ta trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu cũng đưa ra định hướng cho việc tổ chức, sắp xếp lại các trường sư phạm và hình thành một số trường sư phạm trọng điểm, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Giáo dục.

TỪ KHÓA: Quy hoạch; quy hoạch mạng lưới; mạng lưới sư phạm; trường sư phạm; đào tạo giáo viên.

→ Nhận bài 29/8/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 05/10/2019 → Duyệt đăng 25/10/2019

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo viên (GV) là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục (GD). Hiện nay, cả nước có 113 cơ sở đào tạo GV (ĐTGV), bao gồm 14 trường đại học (ĐH) sư phạm (SP), 48 trường ĐH đa ngành có ĐTGV, 30 trường cao đẳng SP (CĐSP), 19 trường cao đẳng (CĐ) đa ngành có ĐTGV và 02 trường trung cấp SP. Ngoài ra, còn có 40 trường trung cấp đa ngành đang ĐTGV mầm non. Trong những năm qua, các cơ sở ĐTGV đã thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới GD và đào tạo (GD&ĐT).

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động và phát triển, đến nay hệ thống cơ sở ĐTGV đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Việc mở rộng quy mô thời gian qua tập trung nhiều vào số lượng mà chưa chú trọng đúng mức đến các điều kiện đảm bảo chất lượng; Phân bố các cơ sở ĐTGV quá dàn trải, phân tán và nhỏ lẻ; Nhiều cơ sở trên cùng một địa bàn bị trùng lặp về chức năng và nhiệm vụ; Chương trình (CT) ĐTGV không thống nhất; Đào tạo chưa gắn với nhu cầu sử dụng, còn không ít sinh viên tốt nghiệp SP ra trường không có việc làm đúng ngành hoặc không tìm được việc làm, gây lãng phí, bức xúc; Nhân lực GV thừa thiếu cục bộ giữa các địa phương, bậc học; Ngân sách Nhà nước đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp; Không thu hút được các học sinh giỏi, có năng lực phù hợp vào học các trường SP. Do đó, cần phải phát triển hệ thống trường SP đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo; Ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường SP trọng điểm; Khắc phục tình trạng phân tán trong hệ thống các cơ sở đào tạo nhà giáo [1]. Điều mới căn bản và toàn diện GD&ĐT đã và đang là yêu cầu cấp bách. Việc triển khai CT GD phổ thông mới tiếp tục đòi hỏi phải có những thay đổi căn bản, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác ĐTGV - nhân tố chính tạo nên sự

thay đổi, đồng thời phải khắc phục được những hạn chế, bất cập của hệ thống trường SP hiện nay. *Công trình nghiên cứu này được tài trợ bởi CT KH&CN về Khoa học GD cấp quốc gia KHGD/16-20 với đề tài "Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới các trường SP ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035".*

2. Nội dung nghiên cứu

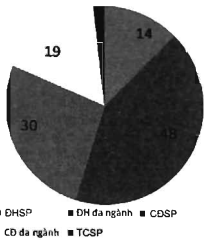
2.1. Tình trạng phân tán, nhỏ lẻ; chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; hoạt động chưa hiệu quả so với yêu cầu đào tạo giáo viên

Nghiên cứu này đã thực hiện khảo sát, phân tích số liệu trong 5 năm gần đây của 153 cơ sở ĐTGV trong cả nước nhằm đánh giá thực trạng quy hoạch mạng lưới, trong đó tập trung vào phân tích việc sắp xếp, phân bố, tổ chức, nguồn lực, quy mô và chất lượng đào tạo của các trường này trong hệ thống SP. Từ đó, chúng tôi đề xuất định hướng sắp xếp, tổ chức lại các trường SP và hình thành một số trường SP trọng điểm ở Việt Nam.

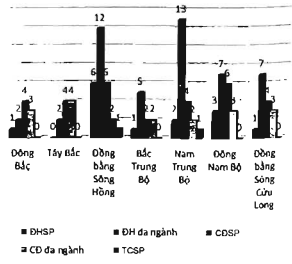
a. Phân bố các cơ sở ĐTGV phân tán, dàn trải

Cả nước hiện nay có 113 cơ sở ĐTGV bao gồm các trường ĐHSPT, CĐSP, trung cấp SP và trường ĐH, CĐ có ngành ĐTGV (sau đây gọi chung là trường SP) và 40 trường trung cấp đa ngành ĐTGV SP mầm non được phân bố ở khắp các vùng, miền, địa phương. Hầu như ở mỗi tỉnh, thành phố đều có ít nhất một trường SP, đặc biệt tập trung nhiều ở một số thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nếu tính trung bình thì mỗi tỉnh (thành) hiện có từ 02 đến 04 cơ sở đào tạo tham gia công tác ĐTGV (xem Hình 1).

Trong giai đoạn từ cuối những năm 1990 đến đầu những năm 2000, quy mô các cơ sở ĐTGV được mở rộng chủ yếu trên cơ sở thành lập khoa SP trong các trường ĐH đa ngành và nhiều trường CĐSP nâng cấp thành ĐH đa ngành có đào



Hình 1: Phân bố hệ thống các trường SP trong toàn quốc



Hình 2: Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 ngành GD Mầm non tại Hà Nội

ạo SP. Chủ trương nâng cấp và mở mới trường SP nhằm tạo sự cạnh tranh bình đẳng theo cơ chế thị trường đã dẫn đến hệ lụy: Hệ thống các cơ sở ĐTGV phân bố quá dàn trải, nguồn lực bị phân tán, nhiều trường SP có quy mô nhỏ, chất lượng đào tạo thấp và khó phát triển [2],[3]. Hầu hết các trường SP khá độc lập trong hoạt động ĐTGV, chưa thật sự tạo thành một mạng lưới thống nhất, tính liên thông trong hệ thống còn yếu, chưa có sự chia sẻ nguồn lực để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động ĐTGV của toàn ngành.

b. Chức năng và nhiệm vụ của các cơ sở ĐTGV còn trùng lặp, chồng chéo

Chức năng đào tạo của nhiều cơ sở ĐTGV còn trùng lặp, chồng chéo do chưa có sự phân công cụ thể về nhiệm vụ và sứ mạng của từng trường trong hệ thống. Bên cạnh đó, việc mở ngành đào tạo của nhiều trường SP vẫn dựa vào năng lực và kinh nghiệm sẵn có, dẫn đến tình trạng một số ngành đào tạo cần để phục vụ cho việc triển khai CT GD phổ thông mới (SP công nghệ, SP tự nhiên, SP nghệ thuật) chưa được nhiều trường quan tâm trong khi một số ngành đang có đầu hiệu bảo hòa hoặc dư thừa nhân lực cùng lúc có nhiều trường tham gia đào tạo. Ở một số trường SP có các khoa đào tạo thực hiện nhiệm vụ trùng với nhiệm vụ đào tạo chủ chốt của các trường SP khác (Khoa Nghệ thuật, Khoa GD thể chất của Trường ĐHSP Hà Nội với Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Trường ĐHSP Thể dục Thể thao Hà Nội) và có nhiều trường SP đào tạo cùng một ngành trên cùng một địa bàn (Ngành GV mầm non được đào tạo ở nhiều trường SP trên địa bàn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) gây lãng phí nguồn lực đầu tư của Nhà nước (xem Hình 2).

c. Lực quá đào tạo thấp, chênh lệch giữa cung và cầu cao

Sự kết nối giữa các trường SP với nhau, giữa các trường SP với các địa phương (Sở, Phòng GD&ĐT và các cơ sở GD mầm non, phổ thông) chưa hình thành hệ thống theo "chuỗi gắn cung và cầu GV", dẫn đến dư thừa hoặc thừa thiếu cục bộ GV. Đây là một trong những vấn đề nổi cộm trong thời gian qua, làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng GD

ở nhiều địa phương và gây lãng phí, bức xúc trong dư luận. Mặc dù các trường SP đã ngày càng chú trọng tới chất lượng đào tạo nhưng CT đào tạo không thống nhất, chuẩn đầu ra chưa theo hướng phát triển phẩm chất năng lực "thực học, thực nghiệp", chưa gắn kết chặt chẽ với yêu cầu chuẩn nghề nghiệp GV, tính liên thông chưa cao [2], [3]. Cùng với đó, phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo và đánh giá kết quả học tập của sinh viên vẫn chậm đổi mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập còn hạn chế, chưa giúp sinh viên vận dụng tri thức vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn GD, đặc biệt là thực tiễn GD địa phương.

Hoạt động đào tạo của nhiều trường SP vẫn chủ yếu chạy theo số lượng, chưa quan tâm đúng mức đến dư bảo nhu cầu nhân lực và bám sát công tác quy hoạch đội ngũ của ngành, của địa phương nên có tình trạng nhiều sinh viên tốt nghiệp SP không tìm được việc làm đúng ngành và thừa thiếu GV cục bộ. Thực tế này khiến xã hội, đặc biệt là học sinh và phụ huynh lo ngại, ở nhiều địa phương thiếu nguồn tuyển sinh SP và không thu hút được các học sinh giỏi, có năng lực phù hợp vào học các ngành ĐTGV [4].

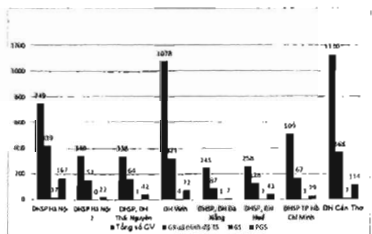
Trước thực trạng trên, một số địa phương đã tự tìm giải

pháp bằng cách giải thể trường CĐSP (Trường CĐSP Cà Mau). Một số khác thực hiện sáp nhập (Trường CĐSP Hà Nam chuyển thành phân hiệu của Trường ĐHSP Hà Nội, Trường CĐSP Lào Cai sáp nhập vào ĐH Thái Nguyên), chuyển đổi mô hình đào tạo SP sang đào tạo đa ngành hoặc chuyển sang thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là liên kết đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên.

2.2. Điều kiện đảm bảo chất lượng, năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học của các trường sư phạm còn hạn chế

a. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo và đổi mới căn bản GD và đào tạo

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ chính của giảng viên có quan hệ song hành và tương hỗ với nhau. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên của các trường SP mới phát triển về số lượng, chưa được chú trọng quan tâm bồi dưỡng nâng cao về chất lượng cũng như chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh về khoa học GD. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ ở nhiều trường SP còn thấp, năng lực nghiên cứu khoa học còn yếu, nhất là ở các trường có quy mô đào tạo nhỏ, đơn ngành. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên giữa các ngành đào tạo và giữa các trường theo vùng, miền không đồng đều. Hầu hết giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và tiến sĩ khoa học đều tập trung tại các trường SP ở các thành phố lớn như Trường ĐHSP Hà Nội (55,9% giảng viên có trình độ tiến sĩ), Trường ĐHSP - ĐH Huế (49,6% giảng viên có trình độ tiến sĩ), Trường ĐHSP - ĐH Thái Nguyên (48,5% giảng viên có trình độ tiến sĩ). Các trường CĐSP thiếu giảng viên có trình độ cao, tỉ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ chỉ chiếm trung bình là 4.82% (xem Hình 3).



Hình 3: Số lượng đội ngũ giảng viên các trình độ tại một số cơ sở ĐTGV

b. Cơ sở vật chất lạc hậu, chưa được đầu tư đồng bộ

Cơ sở vật chất của các trường SP chủ yếu được đầu tư xây dựng từ những năm 60, 70 của thế kỉ XX và được nâng cấp từng phần trong nhiều năm qua. Do không được đầu tư đồng bộ nên giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin, kĩ túc xá... của nhiều trường SP nhìn chung còn rất thiếu thốn so với yêu cầu đào tạo, chưa hình thành được môi trường GD SP để đào tạo giáo sinh trở thành "nhà GD", chứ không phải là "thợ dạy".

Một số trường SP có trụ sở chính tại các thành phố lớn hoặc các địa bàn trung tâm có thuận lợi về đội ngũ giảng viên nhưng lại thiếu diện tích đất đai xây dựng, mở rộng khuôn viên đáp ứng yêu cầu chuẩn môi trường SP [2]. Ở nhiều trường SP khác, thiết bị phục vụ dạy và học đã quá lạc hậu hoặc đã được sửa chữa, khai thác tối đa trong thời gian dài nên thiết kế không đáp ứng được yêu cầu về ứng dụng công nghệ hiện đại vào thực tiễn dạy học, nhất là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. Nhiều trường CĐSP nâng cấp lên trường ĐH hoặc chuyển sang đào tạo đa ngành trong điều kiện chưa được đầu tư về cơ sở vật chất và giảng viên. Nhiều cơ sở ĐTGV không có trường thực hành, không có không gian SP cho giáo sinh hình thành kĩ năng nghề nghiệp ngay trong quá trình đào tạo.

c. Tài chính hạn chế, chưa huy động được các nguồn ngoài ngân sách

Hầu hết các trường SP đều thuộc công lập. Vì vậy, nguồn thu của các cơ sở này chủ yếu dựa vào nguồn bù đắp học phí do Nhà nước cấp theo đầu sinh viên nên khả năng phát triển và huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách còn hạn chế. Mặc dù gần như tất cả các trường SP đã mở rộng sang đào tạo các lĩnh vực khác ngoài ĐTGV (đa ngành) nhưng kinh phí vẫn dựa chủ yếu vào nguồn ngân sách Nhà nước. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo các trường SP, nhất là CĐSP giảm dần do nhu cầu ĐTGV bão hòa dẫn đến hiệu suất kinh tế đầu tư thấp. Như vậy, cần tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các trường SP để tập trung nguồn lực, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài chính cho những cơ sở ĐTGV tốt để phát huy hiệu quả đối với toàn hệ thống (xem Bảng 1).

d. Năng lực nghiên cứu khoa học thiếu và yếu

Năng lực nghiên cứu khoa học của hầu hết các trường SP còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu ĐTGV và phát triển khoa học GD. Hiện nay, các trường SP mới tập trung vào nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn, chưa chú trọng đúng mức đến nghiên cứu khoa học, nếu có, các nghiên cứu cũng chủ yếu tập trung vào khoa học cơ bản, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về khoa học GD, là nền tảng cốt lõi cho các đề xuất đổi mới ĐTGV nói riêng và đổi mới GDBT nói chung. Hiện nay, chưa có một trường SP nào có nhóm nghiên cứu mạnh để tập trung, tăng cường năng lực nghiên cứu về khoa học GD, phát triển CT GD SP và GD phổ thông, tư vấn cơ chế chính sách thực hiện đổi mới căn bản toàn diện GDBT (xem Bảng 2).

d. Vấn đề kiểm định chất lượng chưa được quan tâm

Tính đến tháng 8 năm 2019, đã có 128 cơ sở GD ĐH và 03 trường CĐSP được đánh giá ngoài, chiếm 54,5% trong tổng số các cơ sở GD ĐH, trong đó có 06 cơ sở đạt kiểm định bởi tổ chức kiểm định của nước ngoài. Trong số các cơ sở GD được kiểm định, còn nhiều trường SP chưa quan tâm đến vấn đề kiểm định chất lượng CT ĐTGV, đặc biệt là chưa có CT ĐTGV đạt chuẩn kiểm định quốc tế. Điều này dẫn đến các CT ĐTGV chưa thực sự linh hoạt, khả năng di chuyển nghề nghiệp, tính liên thông hoặc ĐTGV dạy tích hợp, GV dạy nhiều môn học còn nhiều hạn chế.

Bảng 1: Tổng hợp tài chính của một số trường ĐHSP giai đoạn 2014 - 2017

(Đơn vị: tỉ đồng)

| TT | Trường SP | Năm học 2014 - 2015 | | Năm học 2015 - 2016 | | Năm học 2016 - 2017 | |
|----|-----------------------------------|---------------------|----------|---------------------|----------|---------------------|-----------|
| | | NSNN | Tổng thu | NSNN | Tổng thu | NSNN | Tổng thu |
| 1 | Trường ĐHSP Hà Nội | 117,6 | 325,5 | 119,4 | 361 | 96,1 | 353 (*) |
| 2 | Trường ĐHSP Hà Nội 2 | 85,1 | 176,7 | 85,5 | 179,7 | 77,8 | 173,4 (*) |
| 3 | Trường ĐHSP - DH Thái Nguyên | 96,7 | 125,6 | 88,9 | 122,8 | 73,8 | 108 |
| 4 | Trường DH Vinh | 139,4 | 326,7 | 120,6 | 370,3 | 137,5 | 395,9 (*) |
| 5 | Trường ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh | 104 | 320 | 104,8 | 319,6 | 141,7 | 288,9 (*) |
| 6 | Trường DH Đồng Tháp | 64,4 | 133,1 | 64,9 | 130,8 | 60,7 | 133 (*) |
| 7 | Trường DH Quy Nhơn | 74,9 | 196,1 | 76,5 | 197,3 | 65 | 194,6 (*) |
| 8 | Trường DH Cần Thơ | 118 | 537,8 | 120 | 548,6 | 82,8 | 543,3 (*) |
| 9 | Trường DH Thế đức Thế thao Hà Nội | 29 | 43,3 | 28,3 | 41,2 | 25,9 | 39,5 (*) |
| 10 | Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương | 31,7 | 61,9 | 32,4 | 69,3 | 34,7 | 73,5 (*) |

(*) Tổng thu trên bao gồm cả nguồn thu học phí từ các hệ đào tạo ngoài SP

Bảng 2: Năng lực nghiên cứu của một số trường ĐHSP năm học 2017-2018

| Nội dung | ĐHSP Hà Nội | ĐHSP Hà Nội 2 | ĐHSP Nghệ thuật TƯ | ĐHSP Thái Nguyên |
|--|-------------|---------------|--------------------|------------------|
| Số bài báo ISI/Scopus | 111 | 39 | N/A | 35 |
| Số bài báo tạp chí quốc tế khác không trong danh mục ISI/Scopus | 63 | 27 | N/A | 18 |
| Số bài báo đăng trong kỉ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế | 86 | 3 | 15 | 25 |
| Số bài báo đăng kỉ yếu hội nghị, hội thảo trong nước | 260 | 114 | 8 | 75 |
| Số lượng bằng tiến sĩ cấp trong 1 năm | 101 | N/A | N/A | 9 |
| Số lượng đề tài cơ sở (cấp trường, học viên) | 101 | 36 | 15 | 36 |
| Số đề tài, dự án cấp sở, bộ, thành phố, tỉnh | 72 | 5 | 4 | 10 |
| Số đề tài cấp Nhà nước, đề tài Nghị định thư, đề tài nghiên cứu quý Nafosted | 30 | 1 | N/A | 7 |
| Số đề tài, dự án từ doanh nghiệp | N/A | 0 | N/A | 0 |
| Số đề tài, dự án khác (hợp tác quốc tế khác,...) | 2 | 0 | 1 | 0 |
| Số dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước | N/A | 0 | N/A | 0 |
| Số lượng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích đã được công nhận | N/A | 0 | N/A | 0 |
| Số lượng đề tài nghiên cứu, dự án được chuyển giao | N/A | 1 | N/A | 3 |

(N/A Không có thông tin)

2.3. Công tác dự báo nhu cầu đào tạo còn bất cập

Khi kinh tế xã hội chuyển từ cơ chế tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường có điều tiết vĩ mô thì đào tạo ĐH cũng phải có chuyển biến tương ứng. Hệ thống GD ĐH phải đảm nhiệm đào tạo nhân lực không chỉ cho Nhà nước mà còn phục vụ nhiều thành phần kinh tế khác. Đào tạo nhân lực theo kiểu đơn hàng thì phần lớn sản phẩm đào tạo ra cần phải có khả năng thích nghi cao với thị trường lao động. Đào tạo nhân lực ngành SP cũng nằm trong xu

thế chung của GD ĐH. Vấn đề đặt ra là công tác ĐTVG theo cơ chế đặt hàng hay theo cơ chế để thích ứng được với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu ĐTVG thực hiện theo cơ chế đặt hàng thì sinh viên SP sau khi tốt nghiệp sẽ phải được phân công công tác. Do vậy, có thể thấy, đào tạo SP ở nước ta hiện nay phải thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, quy mô đào tạo nhân lực ngành SP có đặc thù vì nó sẽ thay đổi sau một giai đoạn nhất định do các nguyên

nhân như: GV về hưu, sự thay đổi quy mô dân số, đổi mới GD&ĐT cùng các chính sách về GV. Do đó, nghiên cứu dự báo về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho ngành GD là một yêu cầu cấp thiết để quy hoạch mạng lưới các trường SP [2], [4].

Ngành GD thiếu năng lực dự báo trong cung cầu nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Các trường SP (đặc biệt là các trường ở địa phương) tuyển sinh chủ yếu dựa vào năng lực đào tạo của mình mà chưa có căn cứ vào nhu cầu nhân lực của ngành SP, địa phương và điều kiện hội nhập quốc tế. Việc mở rộng quy mô đào tạo SP dẫn đến sự chênh lệch giữa cung và cầu, vì vậy tình trạng sinh viên tốt nghiệp SP không tìm được việc làm tăng lên, gây tâm lý lo ngại đối với phụ huynh và sinh viên cũng như chưa thu hút được nhiều thí sinh giỏi đăng kí xét tuyển vào các ngành/trường SP như mong đợi. Việc thiếu kiểm soát chi tiêu tuyển sinh SP dựa trên cơ sở dự báo nhu cầu sử dụng GV và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm tại một số trường SP đã dẫn đến sự lãng phí nguồn ngân sách Nhà nước cấp bù học phí trong khi các trung tâm đào tạo SP lớn như Trường DHSP Hà Nội, Trường DHSP Thành phố Hồ Chí Minh chỉ được đầu tư rất hạn chế [2], [3]. Việc mở rộng các ngành đào tạo SP ở các cơ sở đa ngành đã dẫn đến sự khó kiểm soát trong quy hoạch các trường SP. Vì vậy, các trường SP cần được quản lí, định hướng theo chiến lược quốc gia. Nếu ĐTGV theo mô hình khép kín thì cần xây dựng cơ chế đặt hàng của Nhà nước, như cầu địa phương hoặc các bên liên quan khác. Tuy nhiên, việc tuyển dụng GV hiện nay ở các địa phương do sở hoặc phòng Nội vụ đảm nhiệm theo các quy định hiện hành về phân cấp trong khi sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT và các cơ sở GD lại là các đơn vị quản lí, sử dụng GV. Do vậy, lựa chọn cách thức ĐTGV theo cơ chế đặt hàng cần xem xét điều chỉnh các chính sách ở tầm vĩ mô. Ngoài ra, các cơ quan quản lí GD địa phương và các cơ sở ĐTGV chưa có đồng bộ trong công tác dự báo cung cầu nhân lực của ngành cho phù hợp với quy mô dân số, phân bố dân cư, đặc trưng địa lí, kinh tế - xã hội của vùng miền. Việc cấp bù học phí SP theo đầu sinh viên đã dẫn đến các trường có gắng tăng chi tiêu đào tạo nhằm tăng nguồn lực tài chính theo năng lực đào tạo/hoặc vượt năng lực đào tạo hoặc các ngành nghề không cần đối, dẫn đến hiện tượng thừa thiếu cục bộ GV ở một số môn học.

Như vậy, hiện nay Bộ GD&ĐT chưa hình thành được cơ chế phân loại các trường SP nên chưa có căn cứ để ưu tiên đầu tư trọng điểm đối với các trường SP hoạt động hiện quả, có tiềm năng phát triển ngang tầm các trường SP trong khu vực và trên thế giới [5], [6]. Công tác quản lí quy hoạch còn yếu, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch trong ĐTGV để có những điều chỉnh kịp thời; Chưa có quy chuẩn về đảm bảo chất lượng là công cụ điều chỉnh mạng lưới, dẫn đến tình trạng mở mới các ngành ĐTGV mà không được giám sát về các điều kiện đảm bảo chất lượng và nhu cầu thực tiễn. Do đó, cần tạo cơ chế tăng cường năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình của các trường SP, giúp cho các cơ sở đào tạo đạt

huy được sự năng động, sáng tạo, đổi mới của mình, và tự chủ tiến hành sắp xếp, rà soát lại cơ cấu tổ chức, tiến hành sắp nhập giải thể theo nhu cầu của thị trường và năng lực của cơ sở đào tạo. Sự phát triển của mạng lưới SP sẽ được điều chỉnh dựa trên nhu cầu của thị trường, thông qua sự lựa chọn của người học và xã hội.

2.4. Định hướng sắp xếp, tổ chức lại các trường sư phạm và hình thành một số trường sư phạm trọng điểm

Hệ thống SP của Việt Nam có nhiều điểm mạnh nhưng chưa thực sự sẵn sàng để giúp đội ngũ GV đạt được các chuẩn năng lực và kĩ năng mới cũng như đảm bảo cho CT bồi dưỡng thường xuyên tại cơ sở có chất lượng và có tính đáp ứng cao nhất. Các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng GV vẫn chưa hoạt động một cách đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu mới của GV phổ thông. Vẫn còn tình trạng một số trường SP có tâm lí chờ đợi vào sự thay đổi chính sách đầu tư và đãi ngộ của Nhà nước đối với ngành SP, mà chưa sẵn sàng đổi mới chính mình. Nghiên cứu thực trạng trên cho thấy, việc quy hoạch mạng lưới các trường SP là cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Việc sắp xếp, tổ chức lại các trường SP và xây dựng một số trường SP trọng điểm phải khắc phục được sự phân tán, dẫn trải, trùng lặp về chức năng của hệ thống hiện tại; Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng, chú trọng chất lượng và hiệu quả trên cơ sở triển khai các giải pháp với lộ trình phù hợp, bảo đảm tính kế thừa, tính khả thi, phát huy tự chủ và trách nhiệm giải trình của các trường SP và sự thống nhất trong quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng GV và cán bộ quản lí GD. Ngoài ra, cần dựa trên các nguyên tắc như: 1/Thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các trường SP trên cơ sở chuẩn trường SP và điều kiện bảo đảm chất lượng; 2/ Khuyến khích các trường SP tự nguyện sáp nhập, hợp nhất hoặc liên kết theo quy định của pháp luật để tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bảo đảm đáp ứng chuẩn trường SP và điều kiện bảo đảm chất lượng; 3/ Các trường SP không đạt chuẩn, hoạt động không hiệu quả hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ trên cùng địa bàn phải có lộ trình khắc phục hoặc thực hiện một trong các phương án sáp nhập, hợp nhất, liên kết hoặc giải thể theo quy định. Đặc biệt, thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường SP cần tập trung đầu tư xây dựng một số trường SP trọng điểm theo mô hình ĐH để đảm nhận vai trò đầu tàu, dẫn dắt trong hệ thống; Hỗ trợ những trường SP đạt chuẩn đổi mới cơ chế quản trị, nâng cao năng lực thực hiện tự chủ và trách nhiệm giải trình; Rà soát, cơ cấu các trường SP còn lại thành các khoa SP/trường SP/phân hiệu của các ĐH/trường ĐH hoặc chuyển đổi thành cơ sở GD tại địa phương.

3. Kết luận

Ở các nước có nền GD phát triển trên thế giới, các trường SP được xây dựng và cơ cấu tổ chức nằm trong một trường ĐH lớn. Ở Việt Nam, hầu hết các địa phương đều có các trường đào tạo SP từ CĐ đến ĐH. Việc mở ngành và đào tạo một cách ồ ạt để có nguồn thu cho trường mà không quan tâm tới nhu cầu, chất lượng "đầu ra" và cơ hội việc

làm cho người học sau khi ra trường là tương đối phổ biến. Do đó, bản quy hoạch và dữ liệu báo cáo nhu cầu nguồn nhân lực của từng ngành sẽ giúp các trường SP trọng điểm và các địa phương xác định quy mô đào tạo. Ngoài ra, cần xây dựng định hướng tăng cường hiệu quả đầu tư, nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, giảm thiểu sự mất cân đối giữa số lượng sinh viên được đào tạo và vị trí việc làm của GV trong cả nước, đề xuất các giải pháp đào tạo, bồi dưỡng GV hiệu quả giúp cho việc quy hoạch mạng lưới các trường SP có tính hiệu quả và bền vững. Ngoài ra, cần hình thành một số cơ sở ĐTGV lớn, có tính trọng điểm để tập

trung nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng uy tín ĐTGV. Có thể nói, đây là “mây cái”, có tính quyết định thành công trong triển khai CT GD phổ thông mới. Mặt khác, đây là lực lượng có vai trò nòng cốt hình thành lên các cơ sở ĐTGV trọng điểm, có năng lực dẫn dắt hệ thống trong việc xây dựng CT, đặc biệt là trong ĐTGV dạy những môn học mới đáp ứng yêu cầu đổi mới GD, đào tạo nguồn GV trình độ cao, nghiên cứu khoa học GD... Đồng thời, làm đầu mối kết nối các “vệ tinh” (cơ sở bồi dưỡng GV) ở các địa phương thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng GV và cán bộ quản lý GD phổ thông.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo*.
- [2] Nguyễn Thị Bình, (2013), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên*, Đề tài cấp Nhà nước, Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam.
- [3] Phạm Hồng Quang, (2013), *Phát triển Chương trình đào tạo giáo viên: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Thái Nguyên.
- [4] Mai Thị Thu, (2015), *Nghiên cứu phương pháp dự báo nhu cầu thay thế trong dự báo nhu cầu giáo viên*, Đề tài mã số V2014-09, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [5] Adele Gordon, (2009), *Restructuring teacher education*, Issues in Education Policy, Number 6, Centre for Education Policy Development.
- [6] Cheryl J. Craig, (2016), *Structure of teacher education*, In J. Loughran, M.L. Hamilton (eds), *International Handbook of Teacher Education*, p.69-135, Springer.
- [7] Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh *Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020*.

CURRENT SITUATION OF RESTRUCTURING THE NETWORK OF TEACHER TRAINING INSTITUTIONS IN VIETNAM

Pham Hong Quang¹, Nguyen Danh Nam²

¹ Thai Nguyen University
Tan Thinh Ward, Thai Nguyen City,
Thai Nguyen province, Vietnam
Email: phamhongquang@tnu.edu.vn

² Thai Nguyen University of Education
No.20, Luong Ngoc Quyen Street, Thai Nguyen City,
Thai Nguyen province, Vietnam
Email: danhnam.nguyen@dhspln.edu.vn

ABSTRACT: *The paper presents the current situation of the restructuring of the network of teacher training institutions in Vietnam, which analyzes the limitations and shortcomings in the distribution of teacher training institutions and the conditions to ensure the quality of future teachers. The paper also points out the causes of the limitations in the teacher education system from the management mechanism to the training and research capacity of teacher training institutions. Since then, the paper shows the urgency of the restructuring the network of pedagogical universities in the context of current general educational renovation and international integration. The research results also provide orientation for the organization and reorganization of teacher training institutions and forming a number of key teacher training universities, contributing to training high-quality human resources for the education sector.*

KEYWORDS: Restructuring; restructuring network; teacher training institution network; teacher training institution; teacher training; teacher education.